

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TỈNH CHÂU
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tỉnh Châu về việc phê duyệt dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2024 như sau:

		ĐVT: đồng
A.	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	922.000.000
I.	Các khoản thu hưởng 100%	289.000.000
1.	Phí, lệ phí	30.000.000
2.	Thu phạt, tịch thu, đất công ích, thu diện tích bán hàng chợ, thu khác. Trong đó:	200.000.000
	Thu tiền phạt, tịch thu	40.000.000
	Thu hoa lợi công sản	20.000.000
	Thu bán hàng tại chợ	120.000.000
	Thu khác	20.000.000
3.	Lệ phí môn bài	39.000.000
4.	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000.000
II.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	633.000.000
1.	Thuế GTGT	405.000.000
2.	Thuế thu nhập cá nhân	228.000.000
B	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ(I+II)	6.317.287.000
I	Các khoản thu NS xã hưởng theo phân cấp	943.950.000
1.	Các khoản thu được hưởng 100%:	289.000.000
2.	Các khoản thu theo tỉ lệ %:	654.000.000
-	Thuế GTGT (15%)	60.750.000

-	Thuế thu nhập cá nhân (15%)	34.200.000
-	Thuế tài nguyên (Chi cục thuế thu) (50%)	500.000.000
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất (Chi cục thuế thu) (100%)	60.000.000
II.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.373.337.000
1.	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4.392.979.000
2.	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	980.357.000
B.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A+B)	6.317.287.000
a.	Tổng chi cân đối (I+II+III-V)	5.336.930.000
I.	Chi thường xuyên	5.288.524.000
1.	Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	4.304.940.000
1.1.	Phân bổ theo cán bộ công chức	400.000.000
1.2	Qũy lương theo NĐ số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023	2.176.000.000
1.4	Phân bổ những người không chuyên trách theo NĐ 33/2023	782.700.000
-	Người hoạt động không chuyên trách ở xã	388.800.000
-	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	356.400.000
-	Các hoạt động của 05 Hội đoàn thể xã	37.500.000
1.5	Bổ sung để đảm bảo hoạt động ở xã	700.000.000
	Trong đó:	
-	Hỗ trợ cho công tác tuyên truyền pháp luật	10.000.000
-	Hỗ trợ cho đội công tác xã hội tình nguyện	51.840.000
-	Hỗ trợ Đại hội hết nhiệm kỳ của UBMTTQVN xã	7.000.000
-	Hỗ trợ Hội viên hội nông dân phát triển sản xuất	7.000.000
-	Hỗ trợ cho Hội CCB tổ chức Hội CCB gương mẫu 2019-2024	5.000.000
-	Hỗ trợ các nhiệm vụ hoạt động khác của HĐND cũng như hoạt động của UBND xã khi phát sinh nhiệm vụ...	619.160.000
1.6	Phụ cấp đại biểu HĐND	155.520.000
1.7	Phụ cấp cấp ủy	90.720.000
2.	Chi SN truyền thanh	23.484.000
3.	Chi sự nghiệp VH TT - TĐĐK	96.872.000
3.1	Chi SN văn hóa thông tin	46.872.000
3.2	Hỗ trợ thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng NTM đô thị văn minh của 03KDC	30.000.000
3.3	Hỗ trợ mặt trận thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng NTM đô thị văn minh.	20.000.000
4.	Chi SN thể dục thể thao	22.310.000
5.	Chi đảm bảo xã hội	46.211.000
5.1	Phân bổ theo dân số	8.807.000

5.2	Chi cho cán bộ xã nghỉ việc theo NĐ 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 và Thông tư 11/2023 ngày 01/08/2023 của BTC	33.804.000
5.3	Cộng tác viên bảo vệ và chăm sóc giáo dục TE theo QĐ 66/2016	3.600.000
6.	Chi an ninh	157.775.000
6.1.	Chi an ninh	45.207.000
6.2.	Chi theo Nghị quyết 16/HĐND tỉnh	107.568.000
6.3	Chi hoạt động của Ban thanh tra nhân dân theo QĐ số 76	5.000.000
7.	Chi quốc phòng	147.320.000
7.1.	Chi Quốc phòng	16.439.000
7.2.	Chi theo QĐ 931/QĐ-UBND, NQ số 01/2020 ngày 10/12/2020 HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	130.882.000
8.	Chi sự nghiệp kinh tế+chợ	378.324.000
8.1	Chi sự nghiệp kinh tế	258.324.000
8.2	Chi hoạt động chợ (từ tiền thu giá dịch vụ dũ dụng diện tích bán hàng tại chợ)	120.000.000
9.	Chi sự nghiệp môi trường	35.226.000
10.	Chi khác của ngân sách	76.062.000
-	Chi thường xuyên khác 0,5% (từ mục 1 đến mục 9)	26.062.000
-	Chi hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng	10.000.000
-	Chi phạt, tịch thu	40.000.000
II.	Chi khen thưởng 1% chi thường xuyên	52.885.000
III.	Dự phòng chi (2% trên tổng chi ngân sách xã)	158.044.000
IV.	Tiết kiệm chi (10%)	162.523.000
C.	Bổ sung kinh phí mục tiêu để chi cho các hoạt động	980.357.000
1.	Kinh phí hoạt động Đảng cơ sở theo QĐ 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung Ương Đảng.	115.829.000
2.	KP cho các hội đặc thù (CTĐ, TNXP, CĐDC, TYN, Hội KH)	129.600.000
3.	Hỗ trợ tổ chức chúc thọ, mừng thọ Người Cao tuổi	108.410.000
4.	KP hỗ trợ đội Trưởng, đội phó đội dân phòng theo NQ số 22/2022 của HĐND tỉnh.	27.518.000
5.	KP một cửa theo NQ số 35/2022 của HĐND tỉnh	48.000.000
6.	KP Đại hội UBMTTQVN xã	25.000.000
7.	KP hỗ trợ tổ chức bảo vệ rừng theo QĐ số 02/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	6.000.000
8.	Kinh phí đào tạo	20.000.000
9.	Kinh phí Lập lại trật tự đô thị và ATGT	40.000.000
10.	Kinh phí hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 66/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	10.000.000
11.	KP sửa chữa duy tu bảo dưỡng trụ sở UBND xã.	450.000.000

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Tịnh Châu khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND TP;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- UBND, UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT.



Thủy
Nguyễn Thị Thu Thủy